

KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ 9: NƯỚC - HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN.

Thời gian thực hiện: 3 tuần

(Từ ngày 30/03/2026 đến ngày 17/04/2026)

I. Lĩnh vực, mã hoá mục tiêu, mục tiêu giáo dục theo chủ đề, nội dung giáo dục theo chủ đề:

Mục tiêu giáo dục theo chủ đề			Nội dung giáo dục theo chủ đề			Dự kiến nội dung hoạt động
3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	3 tuổi	4 tuổi	5 tuổi	
<p>- MT 1: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:</p> <p>- Cân nặng:</p> <p>+ Trẻ trai: 12,7 - 21,2 kg</p> <p>+ Trẻ gái: 12,3 - 21,5 kg</p> <p>- Chiều cao:</p> <p>+ Trẻ trai: 94,9 - 111,7 cm</p> <p>+ Trẻ gái: 94,1 - 111,3 cm.</p>	<p>- MT 1: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:</p> <p>- Cân nặng:</p> <p>+ Trẻ trai: 14,1 - 24,2 kg</p> <p>+ Trẻ gái: 13,7 - 24,9 kg</p> <p>- Chiều cao:</p> <p>+ Trẻ trai: 100,7 - 119,2 cm</p> <p>+ Trẻ gái: 99,9 - 118,9 cm</p>	<p>- MT 1: Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi:</p> <p>- Cân nặng:</p> <p>+ Trẻ trai: 15,9 - 27,1 kg</p> <p>+ Trẻ gái: 15,3 - 27,8 kg</p> <p>- Chiều cao:</p> <p>+ Trẻ trai: 106,1 - 125,8 cm</p> <p>+ Trẻ gái: 104,9 - 125,4 cm</p>	<p>- Đảm bảo chế độ dinh dưỡng hợp lý đáp ứng nhu cầu phát triển của trẻ theo độ tuổi.</p> <p>- Kiểm tra sức khỏe định kì: 2 lần/năm</p> <p>- Cân, đo trẻ theo quý, mỗi quý cân, đo một lần.</p> <p>- Đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ theo biểu đồ phát triển.</p> <p>- Thực hiện - Các biện pháp phòng chống dịch bệnh; can thiệp sớm đối với trẻ suy dinh dưỡng và có nguy cơ suy dinh dưỡng.</p>			<p>- Hoạt động ăn, ngủ.</p> <p>- Ăn đầy đủ các chất theo thực đơn, ngủ đủ giấc.</p> <p>- Hoạt động chăm sóc nuôi dưỡng: Phối hợp với cha mẹ trẻ chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng và có nguy cơ suy dinh dưỡng.</p>
<p>- MT 2: Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng, nhịp nhàng các</p>	<p>- MT 2: Trẻ thực hiện được đầy đủ, đúng, nhịp nhàng các</p>	<p>- MT 2: Trẻ thực hiện đúng thuần thực các động tác của</p>	<p>- Hô hấp: Hít vào, thở ra.</p> <p>- Hô hấp: Thổi nơ bay.</p> <p>- Tay: Đưa tay ra trước, sang ngang.</p> <p>- Tay: Đánh chéo hai tay ra phía trước, sau.</p>			

động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc/ bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	<ul style="list-style-type: none"> - Bụng: Đứng cúi về trước - Bụng: Quay người sang 2 bên. - Chân- bật: Đưa chân ra các phía - Bật đưa chân sang ngang 			sáng – bài tập phát triển chung - Hoạt động học: Tập bài tập phát triển chung
- MT 10: Trẻ biết thực hiện đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2m)	- MT 12: Trẻ biết bước đi liên tục trên ghế thể dục hoặc trên vạch kẻ trên sàn.	- MT 12: Trẻ đi thẳng bằng được trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). (CS11)	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thay đổi tốc độ theo đúng hiệu lệnh. - Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. - Đi thay đổi hướng theo đường dích dắc. - Đi kiễng gót liên tục 3m. - Đi hết đoạn đường hẹp (3m x 0,2 m). 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn. - Đi thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt dích dắc) - Đi trên ghế thể dục 	<ul style="list-style-type: none"> - Đi trên ván kê dốc (dài 2m, rộng 0,3m) 1 đầu kê cao 0,3m. - Đi thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. - Đi thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần) 	- Hoạt động học: Vận động cơ bản: + Đi trên ván kê dốc (dài 2m, rộng 0,3m) 1 đầu kê cao 0,3m. + Đi thay đổi tốc độ, hướng, dích dắc theo hiệu lệnh. + Đi thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần)
b. Giáo dục dinh dưỡng và chăm sóc sức khỏe:						
- MT 25: Trẻ biết nhận ra và tránh nơi nguy	- MT 27: Trẻ biết nhận ra và tránh những nơi	- MT 31: Trẻ không chơi ở những nơi mất	<ul style="list-style-type: none"> - Khu vực, nơi nguy hiểm (nhà đang xây, đường lầy lội ngập nước, giếng, bể nước, hố vôi, nương máng, sông suối, ao hồ, ... - Một số nơi mất vệ sinh (hố rác, nơi nuôi nhốt lợn, 		- Hoạt động ngoài trời, hoạt động vui chơi	

hiểm khi được nhắc nhở.	nguy hiểm.	vệ sinh, nguy hiểm. (CS23)	trâu bò.) - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người	trong ngày		
2. Phát triển nhận thức:						
a. Khám phá khoa học:						
		- MT 37: Trẻ hay đặt câu hỏi. (CS112)			- Hay phát biểu khi học. - Hay đặt câu hỏi để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin. - Tập trung chú ý trong khi học.	- Các hoạt động học tập - vui chơi trong ngày
- MT 31: Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết; mùa	- MT 33: Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Thời tiết; mùa	- MT 41: Trẻ nói được các đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống. (CS94)	- Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.	- Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt con người.	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Gọi tên và nêu đặc điểm đặc trưng của các mùa trong năm. - So sánh sự giống và khác biệt cơ bản giữa	- Hoạt động học: + Tìm hiểu về gió. + Tìm hiểu về đặc điểm, tính chất của nước. + Tìm hiểu về thời tiết mùa hè. - Các hoạt động học tập - vui chơi trong ngày:

					<p>2 mùa (hè với đông, mùa mưa với mùa khô).</p> <p>- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa.</p>	
				- Nguyên nhân gây ra biến đổi khí hậu: chặt phá rừng, vứt rác bừa bãi, do tràn dầu ...		
- MT 33: Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Nước, không khí, ánh sáng.	- MT 35: Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Nước, không khí, ánh sáng.	- MT 43: Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Nước, không khí, ánh sáng.	<p>- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày.</p> <p>- Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.</p> <p>- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.</p>	<p>- Các nguồn nước trong môi trường sống.</p> <p>- Ích lợi của nước đối với đời sống con người động vật và cây.</p> <p>- Một số đặc điểm, tính chất của nước .</p> <p>- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.</p> <p>- Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần</p>	- Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Nước, không khí, ánh sáng.	- Hoạt động học: + Tìm hiểu về đặc điểm, tính chất của nước. - Các hoạt động học tập - vui chơi trong ngày

				thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây.		
- MT 34: Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Đất, đá, cát, sỏi.	- MT 36: Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Đất, đá, cát, sỏi.	- MT 44: Trẻ biết được một số hiện tượng tự nhiên: Đất, đá, cát, sỏi.	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.		- Các hoạt động học tập - vui chơi trong ngày: + Hoạt động ngoài trời, góc	
		- MT 45: Trẻ dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (CS95)			- Dựa vào đặc điểm đặc trưng của thời tiết để dự đoán hiện tượng tự nhiên có thể xảy ra và giải thích dự đoán theo cách hiểu của mình.	- Các hoạt động học tập - vui chơi trong ngày: + Hoạt động dự báo thời tiết, quan sát ngoài trời
- MT 37: Trẻ biết làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng	- MT 40: Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán	- MT 49: Trẻ làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét, thảo luận.	- Làm thử nghiệm với các vật chìm nổi. - Quan sát, nhận xét tính chất của các vật khi thả xuống nước. Nhận xét được vì sao vật chìm, nổi trong nước.	- Làm thử nghiệm như: Pha màu, đường, muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh kết quả thí nghiệm.	- Làm thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi, so sánh sự phát triển. - Nhận xét, thảo luận về kết quả thử nghiệm	- Các hoạt động học tập - vui chơi trong ngày: + Hoạt động ngoài trời

		<p>- MT 50: Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày. (CS114)</p>			<p>- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống. - Nêu nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. - Giải thích bằng mẫu câu: “Tại vì... nên...”</p>	<p>- Các hoạt động học tập - vui chơi trong ngày: + Hoạt động ngoài trời</p>
b. Làm quen với toán:						
		<p>- MT 60: Trẻ nói được ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ. (CS111)</p>			<p>- Các chữ số trên lịch trong phạm vi từ 1-10. - Ý nghĩa của các con số trên lịch dùng để chỉ ngày. - Lịch dùng để làm gì và đồng hồ dùng để làm gì? - Ngày trên lịch và giờ chẵn trên đồng hồ.</p>	<p>- Hoạt động học: Làm quen với toán: + Dạy trẻ phân biệt số chẵn số lẻ + Gọi tên giờ chẵn trên đồng hồ</p>
3. Phát triển ngôn ngữ:						

a. Nghe:						
<p>- MT 51: Trẻ nghe hiểu được nội dung truyện kể, truyện đọc, các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</p>	<p>- MT 58: Trẻ nghe hiểu được nội dung truyện kể, truyện đọc, nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, đồng dao tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi.</p>	<p>- MT 72: Trẻ nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. (CS64)</p>	<p>- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài thơ theo nhiều cách khác nhau (nghe trên đài, nghe cô đọc, nghe các bạn đọc.....) - Trò chuyện, trao đổi về nội dung truyện, thơ mà trẻ được nghe</p>	<p>- Trẻ nghe hiểu được nội dung truyện kể, truyện đọc, các bài hát, bài thơ phù hợp với độ tuổi.</p>	<p>- Trẻ nghe hiểu được nội dung truyện kể, truyện đọc, nghe các bài hát, bài thơ phù hợp với độ tuổi.</p>	<p>- Hoạt động học: Lam quen với văn học: + Thơ: Giọt nắng + Truyện: Giọt nước tý xíu</p>
b. Nói:						
		<p>- MT 78: Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động. (CS69)</p>			<p>- Hướng dẫn các bạn trong trò chơi và trong các hoạt động.</p>	<p>- Các hoạt động học tập – vui chơi trong ngày</p>
<p>- MT 58: Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe, bắt chước được giọng nói của</p>	<p>- MT 65: Trẻ biết kể chuyện có mở đầu, kết thúc, bắt chước được giọng nói, điệu bộ của</p>	<p>- MT 80: Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. (CS71)</p>	<p>- Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện</p>	<p>- Kể lại truyện đã được nghe . - Đóng kịch</p>	<p>- Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh. - Kể lại chuyện</p>	<p>- Hoạt động học: Lam quen với văn học: + Truyện: Giọt nước tý xíu - Hoạt động vui</p>

nhân vật trong truyện với sự giúp đỡ của người lớn.	nhân vật trong truyện.		của giáo viên để trẻ bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật.		cho bố mẹ hoặc bạn và vào các trang của chuyện theo đúng trình tự. - Các yếu tố của một câu chuyện: các nhân vật, thời gian, địa điểm, phần kết thúc...và nói được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc chuyện đó. - Đóng kịch	chơ ở góc: xem tranh ảnh, đọc, kể chuyện, đóng vai nhân vật
- MT 61: Trẻ nhìn vào tranh minh họa và gọi được tên nhân vật trong tranh.	- MT 68: Trẻ biết mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	- MT 87: Trẻ biết kể chuyện theo tranh. (CS85)	- Kể chuyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.	- Kể chuyện có mở đầu, kết thúc - Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh.	- Thích thú sáng tạo truyện theo tranh, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân. - Nhìn vào tranh vẽ trong sách truyện trẻ có thể nói nội dung mà tranh minh họa; - Nói thứ tự của	- Hoạt động học: Lam quen với văn học: + Truyện: Giọt nước tý xíu - Hoạt động vui chơ ở góc: xem tranh ảnh, đọc, kể chuyện, đóng vai nhân vật

					sự việc từ truyện tranh và sử dụng lời nói để diễn đạt nội dung câu chuyện.	
		- MT 88: Trẻ biết kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau. (CS120)			- Tự đặt, bịa câu chuyện - Đặt tên mới, mở đầu, tiếp tục kết thúc câu chuyện theo cách khác.	- Hoạt động học: Lam quen với văn học: + Truyện: Giọt nước tý xíu
c. Làm quen với đọc và viết:						
		- MT 89: Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. (CS79)			- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. Truyện viết về gì? Chữ đó viết như thế nào? Ai viết?	- Các hoạt động học tập – vui chơi trong ngày + Hoạt động vui chơi trước khi trả trẻ - Hoạt động học: + Làm quen với chữ cái s, x.

					<ul style="list-style-type: none"> - Thường xuyên bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe. - Hứng thú, nhiệt tình tham gia các hoạt động liên quan đến đọc viết của lớp. 	
<p>- MT 65: Trẻ biết cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và đọc truyện.</p>	<p>- MT 71: Trẻ biết cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa.</p>	<p>- MT 93: Trẻ thực hiện được một số hành vi như người đọc sách. (CS83)</p>	<p>- Làm quen với cách đọc tiếng việt, hướng đọc từ trái sang phải từ dòng trên xuống dòng dưới.</p> <p>- Cầm sách đúng chiều mở sách xem tranh và “đọc” truyện.</p>	<p>- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách.</p>	<p>- Chỉ và nói tên các phần sau của sách khi được yêu cầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trang bìa sách, các trang sách + Lờ (chữ) trong sách, tranh minh họa + Tên sách + Tên tác giả. + Bắt đầu và kết thúc. <p>- Cầm cuốn</p>	<p>- Hoạt động học: Làm quen với văn học: + Truyện: Giọt nước tí xíu</p> <p>- Các hoạt động học tập – vui chơi trong ngày</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hoạt động vui chơi trước khi trả trẻ - Hoạt động vui chơi ở góc: xem tranh ảnh về chủ đề

					<p>sách và giả vờ đọc cho bản thân hay cho người khác nghe. Cầm sách đúng chiều, giở trang sách từ phải sang trái, từng trang một.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhặt sách dưới sàn và đặt lên giá đúng chiều. 	
		<p>- MT 94: Trẻ biết “Đọc” theo truyện tranh đã biết. (CS84)</p>			<ul style="list-style-type: none"> - Đọc truyện đã biết nội dung trẻ đọc phù hợp với các hình ảnh trong tranh. - Đọc tên câu truyện dựa vào trang bìa của chuyện. 	<ul style="list-style-type: none"> - Hoạt động học: Lam quen với văn học: + Truyện: Giọt nước tý xíu - Hoạt động vui chơi ở góc: xem tranh ảnh về chủ đề
4. Phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội:						
a. Phát triển tình cảm:						
<p>- MT 77: Trẻ biết nhận biết hành vi đúng sai, tốt xấu.</p>	<p>- MT 85: Trẻ biết phân biệt hành vi đúng sai, tốt xấu.</p>	<p>- MT 126: Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi</p>	<p>- Nhận biết hành vi đúng sai, tốt xấu.</p>	<p>- Phân biệt hành vi đúng sai, tốt xấu.</p>	<p>- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”, “sai”, “tốt”, “xấu”</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận ra ảnh hưởng của hành 	<p>- Các hoạt động học tập – vui chơi trong ngày</p>

		trường. (CS56)			vi: Vứt rác ra đường là sai vì gây bẩn, ô nhiễm môi trường, có hại cho sức khỏe của mọi người.	
- MT 78: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- MT 86: Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định, không bẻ cành bứt hoa.	- MT 127: Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày. (CS57)	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.		- Thể hiện các hành vi đúng đối với môi trường xung quanh trong sinh hoạt hàng ngày như: - Tắt điện khi ra khỏi phòng. - Biết sử dụng tiết kiệm nước trong sinh hoạt hàng ngày ở nhà và ở trường.	- Các hoạt động học tập – vui chơi trong ngày
Bảo vệ và chăm sóc cây cối						
b. Phát triển kỹ năng xã hội:						
		- MT 136: Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.			- Chủ động bắt tay vào công việc cùng bạn. - Cùng với bạn thực hiện công việc nào đó với	- Các hoạt động học tập – vui chơi trong ngày

		(CS52)			rất ít xung đột hoặc không có xung đột.	
5. Phát triển thẩm mỹ:						
Một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình:						
- MT 89: Trẻ biết vận động theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc (vỗ tay theo phách nhịp, vận động minh họa).	- MT 98: Trẻ biết vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của bài hát, bản nhạc với các hình thức.	- MT 144: Trẻ biết thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. (CS101)	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp.	- Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.	- Hoạt động học: Âm nhạc: Biểu diễn văn nghệ: Cho tôi đi làm mưa với, Cháu vẽ ông mặt trời, Mùa hè đến.

II. Đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch tháng:

- Thuận lợi:
- Khó khăn:
- Tồn tại:
- Nguyên nhân:

CHỦ ĐỀ NHÁNH 1: MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN

Thời gian thực hiện: 01 tuần

(Từ ngày 30/03/2026 đến ngày 04/04/2026)

Kế hoạch tuần 28

Thứ Thời điểm	Thứ 2 (30/03)	Thứ 3 (31/03)	Thứ 4 (01/04)	Thứ 5 (02/04)	Thứ 6 (03/04)
Đón trẻ Thể dục sáng	1. Đón trẻ: - Đón trẻ vào lớp, trẻ tự cất đồ dùng cá nhân. - Trao đổi với phụ huynh về tình hình của trẻ, về chủ đề mới, nhắc nhở phụ huynh cung cấp thêm cho trẻ những hiểu biết về một số hiện tượng tự nhiên. - Cho trẻ vào quan sát góc nổi bật của chủ đề, phát hiện ra chủ đề mà trẻ đang khám phá. Nghe các bài hát về chủ đề, trò chuyện về chủ đề. 2. Thể dục sáng: (Kết hợp với bài hát về chủ đề). - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Đưa tay ra trước, sang ngang. - Bụng: Đứng cúi về trước - Chân- bật: Đưa chân ra các phía - Bật đưa chân sang ngang 3. Điểm danh: Cô điểm danh, kiểm tra vệ sinh cá nhân.				
Hoạt động học	* Thể dục: - VĐCB: Đi trên ván kê dốc (dài 2m, rộng 0,3m) 1 đầu kê cao 0,3m. - TCVD: Thi đi nhanh	* Làm quen với văn học: - Thơ: Giọt nắng	* Khám phá khoa học: - Tìm hiểu về gió.	* Âm nhạc: - NDTT: <i>Đạy hát:</i> Cho tôi đi làm mưa với. - NDKH: + <i>Nghe hát:</i> Mưa rơi. + <i>Trò chơi âm nhạc:</i> Tiếng hát ở đâu.	* Làm quen với toán: - Tách gộp trong phạm vi 9
Chơi, hoạt động ở các góc	* Góc phân vai: Gia đình. Bán hàng. * Góc xây dựng: Xây công viên xanh. Vườn cây. * Góc tạo hình: Vẽ, tô màu tranh về chủ đề. * Góc âm nhạc: Hát, đọc thơ về chủ đề. * Góc học tập - Thư viện: Xem tranh, ảnh về một số hiện tượng thời tiết. Làm sách tranh về chủ đề.				

	* Góc khoa học - thiên nhiên: Gieo hạt, chơi cát, nước. Chăm sóc cây.				
Chơi ngoài trời	* Hoạt động có chủ đích: Quan sát bầu trời, thời tiết, lắng nghe các âm thanh khác nhau trên sân trường. Quan sát vườn rau. Hoạt động lao động: Chăm sóc vườn rau. * Trò chơi vận động: Trờì mưa. Nhảy qua suối nhỏ. Rồng rắn lên mây. * Chơi tự chọn: Nhặt lá rụng trên sân trường. Vẽ tự do trên sân. Chơi với đồ chơi ngoài trời.				
Chuẩn bị tiếng Việt	- Đi trên ván kê dốc - Thi đi nhanh	- Giọt nắng;	- Gió nhân tạo, gió tự nhiên.	- Chì gió; Tốt tươi; Rong chơi; Hạt mưa	- Tách gộp trong phạm vi 9
Ăn chính, ngủ, ăn phụ	- Cho trẻ ăn chính: Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng. - Cho trẻ ngủ: Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn, giữ gìn trật tự. - Cho trẻ vận động nhẹ sau khi ngủ dậy - Cho trẻ ăn phụ.				
Chơi hoạt động theo ý thích	* Ôn luyện: + Đi trên ván kê dốc (dài 2m, rộng 0,3m) 1 đầu kê cao 0,3m. + Thơ giọt nắng. + Tìm hiểu về gió + Hát: Cho tôi đi làm mưa với. + Tách gộp trong phạm vi 9 * Chơi, hoạt động theo ý thích: Cho trẻ về góc chơi theo ý thích.				
Trả trẻ	* Nêu gương: - Nhận xét – nêu gương cuối ngày. - Nhận xét – nêu gương cuối tuần. * Trả trẻ: - Vệ sinh cá nhân. Chơi tự do - Trao đổi với phụ huynh. Chuẩn bị đồ dùng cá nhân của trẻ.				

- Thuận lợi:
- Khó khăn:
- Tồn tại:
- Nguyên nhân:

CHỦ ĐỀ NHÁNH 2: NƯỚC - KHÔNG KHÍ

Thời gian thực hiện: 01 tuần

(Từ ngày 06/04/2026 đến ngày 10/04/2026)

Kế hoạch tuần 29

Thứ Thời điểm	Thứ 2 (06/04)	Thứ 3 (07/04)	Thứ 4 (08/04)	Thứ 5 (09/04)	Thứ 6 (10/04)
Đón trẻ	<p>1. Đón trẻ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đón trẻ vào lớp, trẻ tự cất đồ dùng cá nhân. - Trao đổi với phụ huynh về tình hình của trẻ, về chủ đề mới, nhắc nhở phụ huynh cung cấp thêm cho trẻ những hiểu biết về nước và không khí. - Cho trẻ vào quan sát góc nổi bật của chủ đề, phát hiện ra chủ đề mà trẻ đang khám phá. Nghe các bài hát về chủ đề, trò chuyện về chủ đề. 				
Thể dục sáng	<p>2. Thể dục sáng: (Kết hợp với bài hát có nội dung về chủ đề):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hô hấp: Thổi nơ bay. - Tay: Đưa tay ra trước, sang ngang. - Bụng: Đứng cúi về trước. - Chân - bật: Đưa chân ra các phía - Bật: Bật đưa chân sang ngang. <p>3. Điềm danh: Cô điềm danh, kiểm tra vệ sinh cá nhân.</p>				
Hoạt động học	<p>* Thể dục:</p> <ul style="list-style-type: none"> - VĐCB: Đi thay đổi tốc độ, hướng, đích dắc theo hiệu lệnh. - TCVD: Chạy tiếp cờ 	<p>* Làm quen với văn học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Truyện: Giọt nước tí xíu. 	<p>* Khám phá khoa học:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tìm hiểu về đặc điềm, tính chất của nước. 	<p>* Kỹ năng sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dạy trẻ kỹ năng luôn dây và buộc dây giày. 	<p>* Làm quen với toán: Đếm đến 10. Nhận biết nhóm đối tượng có số lượng là 10. Nhận biết số 10.</p>
Chơi, hoạt động ở các góc	<ul style="list-style-type: none"> * Góc đóng vai: Gia đình. Bán hàng. * Góc xây dựng: Xây công viên xanh. Xây ao cá. * Góc tạo hình: Vẽ, tô màu tranh về về một số hiện tượng tự nhiên. * Góc âm nhạc: Biểu diễn bài hát, bài thơ về chủ đề. * Góc học tập – thư viện: Xem tranh, ảnh về một số hiện tượng tự nhiên, nguồn nước. Tìm chữ cái đã học trong từ dưới tranh. 				

	* Góc khoa học - thiên nhiên: Gieo hạt, chăm sóc cây. Chơi cát, nước.				
Chơi ngoài trời	* Hoạt động có chủ đích: - Quan sát bầu trời, trò chuyện về thời tiết, lắng nghe các âm thanh khác nhau trên sân trường. Quan sát rau ngót. Hoạt động lao động: nhặt lá trên sân trường. * Trò chơi vận động: Kéo co. Ai nhanh nhất. Mưa to mưa nhỏ. * Chơi tự chọn: Vẽ tự do trên sân. Chơi với đồ chơi ngoài trời.				
Chuẩn bị tiếng Việt	- Đi thay đổi tốc độ, hướng, đích đặc theo hiệu lệnh. Chạy tiếp cờ	- Giọt nước - Tí xíu - Biển cả.	- Mưa rào - Hạn hán - Giông bão	- Luồn dây, Dây giày;	- Nhiều hơn - Ít hơn - Bằng nhau
Ăn chính, ngủ, ăn phụ	- Cho trẻ ăn chính: Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng. - Cho trẻ ngủ: Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn, giữ gìn trật tự. - Cho trẻ vận động nhẹ sau khi ngủ dậy - Cho trẻ ăn phụ.				
Chơi hoạt động theo ý thích	* Ôn luyện: + Đi thay đổi tốc độ, hướng, đích đặc theo hiệu lệnh. + <i>Truyện:</i> Giọt nước tí xíu. + Tìm hiểu về đặc điểm, tính chất của nước. + Dạy trẻ kỹ năng luồn dây và buộc dây giày. + Đếm đến 10. Nhận biết nhóm đối tượng có số lượng là 10. Nhận biết số 10. *. Chơi, hoạt động theo ý thích: - Cho trẻ về góc chơi theo ý thích.				
Trả trẻ	* Nêu gương: - Nhận xét – nêu gương cuối ngày. Nhận xét – nêu gương cuối tuần. * Trả trẻ: - Vệ sinh cá nhân. Chơi tự do - Trao đổi với phụ huynh. Chuẩn bị đồ dùng cá nhân của trẻ.				

- Thuận lợi:
- Khó khăn:
- Tồn tại:

- Nguyên nhân:

CHỦ ĐỀ NHÁNH 3: MÙA HÈ

Thời gian thực hiện: 01 tuần

(Từ ngày 13/04/2026 đến ngày 17/04/2026)

Kế hoạch tuần 30

Thứ Thời điểm	Thứ 2 (13/04)	Thứ 3 (14/04)	Thứ 4 (15/04)	Thứ 5 (16/04)	Thứ 6 (17/04)
Đón trẻ Thể dục sáng	1. Đón trẻ: - Đón trẻ vào lớp, trẻ tự cất đồ dùng cá nhân. - Trao đổi với phụ huynh về tình hình của trẻ, về chủ đề mới, nhắc nhở phụ huynh cung cấp thêm cho trẻ những hiểu biết về mùa hè - Cho trẻ vào quan sát góc nổi bật của chủ đề, phát hiện ra chủ đề mà trẻ đang khám phá. Nghe các bài hát về chủ đề, trò chuyện về chủ đề. 2. Thể dục sáng: (Kết hợp với bài hát có nội dung về chủ đề). - Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: Đánh chéo hai tay ra phía trước, sau. - Bụng: Quay người sang 2 bên. - Chân- bật: Đưa chân ra các phía - Bật đưa chân sang ngang. 3. Điểm danh: Cô điểm danh, kiểm tra vệ sinh cá nhân.				
Hoạt động học	* Thể dục: - VĐCB: Đi thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần) - TCVD: Nhảy qua suối nhỏ	* Làm quen với chữ cái: - Làm quen với chữ cái s, x.	* Làm quen với toán: - Tách gộp trong phạm vi 10	* Âm nhạc: - NDTT: BDVN: Cho tôi đi làm mưa với, Cháu vẽ ông mặt trời, Mùa hè đến. - NDKH: + <i>Nghe hát:</i> Hạt mưa và em bé + <i>Trò chơi âm nhạc:</i> Hát theo hình vẽ	* Khám phá khoa học: Tìm hiểu về thời tiết mùa hè.
Chơi, hoạt động ở các góc	* Góc phân vai: Gia đình, cửa hàng nước giải khát. * Góc xây dựng: Xây công viên xanh. Xây bể bơi. * Góc tạo hình: Vẽ trang phục mùa hè. * Góc âm nhạc: Biểu diễn các bài hát bài thơ về chủ đề.				

	<p>* Góc học tập - Thư viện: Xem tranh, ảnh về mùa hè. Làm sách tranh về mùa hè.</p> <p>* Góc khoa học - thiên nhiên: Gieo hạt, chơi cát, nước. Chăm sóc cây.</p>				
Chơi ngoài trời	<p>* Hoạt động có chủ đích: - Quan sát bầu trời, trò chuyện về thời tiết, lắng nghe các âm thanh khác nhau trên sân trường. Quan sát rau mùng tơi. Hoạt động lao động: Chăm sóc vườn hoa.</p> <p>* Trò chơi vận động: Nhảy qua suối nhỏ. Ai nhanh nhất. Cướp cờ.</p> <p>* Chơi tự chọn: Bong bóng xà phòng. Vẽ tự do trên sân. Chơi với đồ chơi ngoài trời.</p>				
Chuẩn bị tiếng Việt	- Đi thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh	- Quả xà riêng; Quả soài	- Tách gộp trong phạm vi 10	- Tốt tươi, phỉ hoại.	- Thời tiết mùa hè.
Ăn chính, ngủ, ăn phụ	<p>- Cho trẻ ăn chính: Hướng dẫn trẻ rửa tay đúng cách trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, lau miệng.</p> <p>- Cho trẻ ngủ: Hướng dẫn trẻ ngủ ngay ngắn, giữ gìn trật tự.</p> <p>- Cho trẻ vận động nhẹ sau khi ngủ dậy</p> <p>- Cho trẻ ăn phụ.</p>				
Chơi hoạt động theo ý thích	<p>* Ôn luyện: + Đi thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh (đổi hướng ít nhất 3 lần) + chữ cái s, x. + Tách gộp trong phạm vi 10. + Biểu diễn các bài hát trong chủ đề. + Tìm hiểu về thời tiết mùa hè.</p> <p>* Chơi, hoạt động theo ý thích: Cho trẻ về góc chơi theo ý thích.</p>				
Trả trẻ	<p>* Nêu gương: - Nhận xét – nêu gương cuối ngày. Nhận xét – nêu gương cuối tuần.</p> <p>* Trả trẻ: - Vệ sinh cá nhân. Chơi tự do - Trao đổi với phụ huynh. Chuẩn bị đồ dùng cá nhân của trẻ.</p>				

- Thuận lợi:
- Khó khăn:
- Tồn tại:
- Nguyên nhân:

DỰ KIẾN MÔI TRƯỜNG GIÁO DỤC CHỦ ĐỀ: NƯỚC - HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN

- 1. Chuẩn bị học liệu:**
- 2. Tổ chức thực hiện**
 - a) Giới thiệu chủ đề:**
 - b) Khám phá chủ đề:**
 - c. Tăng cường tiếng Việt:**

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ NƯỚC - HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN

- + Mục tiêu chưa đạt:**
- + Nội dung chưa thực hiện được:**
- + Nguyên nhân:**
- + Biện pháp khắc phục:**

Lương Minh, ngày 27 tháng 03 năm 2026
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Lý Thị Xâm